

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VŨNG LIÊM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 167/2024/DS-ST

Ngày: 05-11-2024.

"*V/v Tranh chấp yêu cầu di dời tài sản và trả lại đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Nguyễn Văn Cơ Ba**.

2. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Hương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 523/2023/TLST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2023 về "*Tranh chấp yêu cầu di dời tài sản và trả lại đất*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh N** – sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C** – sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh **Nguyễn Quý Y** – sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông **Trần Văn H** – sinh năm: 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh N trình bày:*

Vào ngày 31/5/2023, anh N có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 231, tờ bản

đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long với anh Nguyễn Quý Y. Giá chuyển nhượng là 500.000.000đồng, anh N đã giao đủ tiền cho anh Y. Vào ngày 15/6/2023, anh N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần này.

Trước khi nhận chuyển nhượng đất, anh Y nói với anh N hiện anh Y có Hợp đồng thuê đất với bà Nguyễn Thị C nhưng đến ngày 09/6/2023 hết hạn hợp đồng, bà C sẽ trả lại đất cho anh Y, anh Y sẽ giao đất cho anh N quản lý sử dụng.

Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn Hợp đồng thuê đất cho đến nay thì anh Y và bà C vẫn chưa giao phần đất tại thửa 231 cho anh N quản lý sử dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh N.

Nay anh N yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 giữa anh Y và bà C đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502.2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Anh N yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H cùng gia đình phải di dời tài sản đi nơi khác để trả lại phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh N quản lý sử dụng.

Anh N tự nguyện bồi thường giá trị cây trồng là 15.815.000đồng và giá trị vật kiến trúc (căn phòng trọ) nằm trên thửa đất 231 là 30.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long là đất của bà C và ông Trần Văn H nhận chuyển nhượng của người khác và xây cất nhà vào năm 2012. Sau đó, vợ chồng bà C tặng cho thửa đất 231 lại cho con gái là Trần Xuân N1.

Tuy nhiên, do chị N1 nợ ngân hàng nên có vay của anh Nguyễn Quý Y số tiền 600.000.000đồng thông qua Hợp đồng cầm cố tài sản. Sau khi trả nợ Ngân hàng, chị N1 có ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 231 sang qua cho anh Nguyễn Quý Y, hai bên không giao nhận tiền chuyển nhượng đất.

Sau khi, anh Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 231 thì giữa bà C và anh Y có ký kết Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tại thửa 231 vào ngày 09/6/2021, có công chứng chứng thực, thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, giá thuê 5.000.000đồng /tháng. Mục đích ký kết hợp đồng thuê nhà là để bà C vẫn tiếp tục sinh sống trên phần đất này. Hai bên ký kết hợp đồng chỉ là hình thức, bà C không có trả tiền thuê đất cho anh Y. Bà C không biết sự việc anh Y chuyển nhượng phần đất 231 cho anh N.

Nay anh N yêu cầu bà Nguyễn Thị C chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 giữa anh Y và bà C đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H cùng gia đình phải di dời tài sản đi nơi khác để trả lại phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh N quản lý sử dụng thì bà C không đồng ý. Hiện trên phần đất tranh chấp có tài sản là dãy nhà trọ gồm 04 phòng do bà và ông H xây cất.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh N thì bà C yêu cầu anh N hỗ trợ di dời và bồi thường giá trị tài sản và cây trồng trên đất cho bà.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quý Y trình bày:*

Vào ngày 09/06/2021, anh Y có cho bà Nguyễn Thị C thuê và có ký kết hợp đồng thuê đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Giá thuê là 5.000.000đồng/tháng. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày Hợp đồng được công chứng là ngày 09/6/2021 cho đến ngày 09/6/2023 là hết hạn hợp đồng thuê. Sau khi ký kết hợp đồng, anh Y đã giao đất cho bà C quản lý sử dụng theo đúng hợp đồng thuê.

Tuy nhiên, bà C trả tiền thuê đất cho anh Y chỉ được 01 tháng thì ngưng không trả tiếp theo thỏa thuận hợp đồng. Anh Y nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền thuê đất và trả lại đất, bà C cam kết nhiều lần nhưng không thực hiện.

Đến ngày 31/5/2023, giữa anh Y và anh Trần Thanh N có ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Nay anh N yêu cầu bà Nguyễn Thị C chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 giữa anh Y và bà C đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long giữa anh Y và bà C. Đồng thời, yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H cùng gia đình phải di dời tài sản đi nơi khác để trả lại phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh N quản lý sử dụng thì anh Y đồng ý.

Đối với hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 09/6/2021 giữa anh Y với bà C thì anh Y yêu cầu chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Quý Y với bà Nguyễn Thị C. Anh Y không yêu cầu bà C phải trả lại số tiền thuê đất còn nợ.

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H:*

Ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 472, 473, 474, 482, 500, của Bộ luật dân sự; Điều 166, 169, 170, 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thanh N. Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quý Y chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải di dời tài sản đi nơi khác để giao trả lại cho anh Trần Thanh N phần đất diện tích 502,2m², thửa 231, tờ bản đồ số 7, loại đất ở tại đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long do anh Trần Thanh N đứng tên quyền sử dụng đất. Anh Trần Thanh N phải có nghĩa vụ bồi hoàn giá trị cây trồng, vật kiến trúc (căn phòng trọ), cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H với số tiền 45.815.000đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

Anh Nguyễn Quý Y không yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả lại số tiền thuê đất còn nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chi phí định giá tài sản: Anh Trần Thanh N đã nộp số tiền 1.700.000đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp 1.700.000đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho anh Trần Thanh N.

- Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Anh Trần Thanh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.000đồng (hai triệu hai trăm chín mươi một ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Trần Thanh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp yêu cầu di dời tài sản và trả lại đất giữa anh N và bà Nguyễn Thị C, ông Trần Văn H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, vào thời điểm anh Y và bà C ký kết hợp đồng thuê quyền sử dụng đất vào ngày 09/6/2021 thì phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Y. Theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp, góp vốn quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này*”. Về hình thức thì hợp đồng thuê của hai bên được lập thành văn bản và được công chứng tại Văn phòng C1 theo quy định. Như vậy, hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ký vào ngày 09/6/2021 đã tuân thủ về hình thức theo quy định tại điểm b, d khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai và được hướng dẫn tại Điều 64 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hợp đồng ghi rõ thỏa thuận giá, phương thức thanh toán, thời hạn thuê là 02 năm kết từ ngày Hợp đồng được công chứng (09/6/2021). Xét các điều khoản và thỏa thuận đôi bên ghi nhận tại hợp đồng được các bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện và được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 481 của Bộ luật Dân sự quy định “*Bên thuê phải trả đủ tiền thuê đúng thời hạn đã thỏa thuận...*”. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng thuê thì bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền thuê và không trả lại đất cho anh Y sau khi hết thời hạn thuê là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 6 của hợp đồng.

Đến ngày 31/5/2023, anh Y ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 231 cho anh N. Anh N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 231 vào ngày 15/6/2023. Như vậy, kể từ ngày 15/6/2023 anh Nghĩa L người quản lý, sử dụng hợp pháp đối với phần đất tại thửa 231. Tuy nhiên, hiện nay bà C chưa trả lại đất cho anh Y để anh Y giao đất cho anh N quản lý sử dụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp về quyền sử dụng tài sản của anh N được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 189, Điều 190 của Bộ luật dân sự.

Đối với anh Y, anh Y đồng ý chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 09/6/2021 tại thửa 231 giữa anh và bà C để trả lại đất cho anh N.

Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của anh N, buộc bà Nguyễn Thị C chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 giữa bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quý Y đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H cùng gia đình phải di dời tài sản đi nơi khác để trả lại phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh N quản lý sử dụng.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 07/5/2024 do nguyên đơn xác định: Trên phần đất tranh chấp có tài sản gồm: 02 cây xoài; 02 cây bưởi; 07 cây vú sữa;

03 cây ổi; 01 cây mận; 03 cây mít; 02 cây cau; 01 cây đu đủ thành tiền tổng cộng là 15.815.000đ và có 02 phòng trọ khung cột bê tông cốt thép, nền gạch men, vách tường, mái lợp tol không trần cách nhiệt, anh N tự nguyện bồi thường giá trị cây trồng trên đất là 15.815.000đồng và giá trị vật kiến trúc (căn phòng trọ) trên đất là 30.000.000đồng cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H.

Bà C không thống nhất với biên bản định giá tài sản ngày 07/5/2024 và không yêu cầu định giá lại. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C và ông H không cung cấp giá trị của tài sản trên đất cũng không nộp đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu anh N hỗ trợ di dời và bồi thường giá trị tài sản, cây trồng trên đất nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Thanh N đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng, vật kiến trúc (căn phòng trọ) cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H với số tiền 45.815.000đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quý Y chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Quý Y không yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả lại số tiền thuê đất còn nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] **Về chi phí định giá tài sản:** là 1.700.000đồng (một triệu bảy trăm ngàn đồng) anh Trần Thanh N đã nộp tạm ứng trước nên buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp để hoàn trả cho anh Trần Văn N2 nhận.

[4] **Án phí dân sự sơ thẩm:** bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Anh Trần Thanh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.000đồng (hai triệu hai trăm chín mươi một ngàn đồng).

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 472, 473, 474, 482, 500, của Bộ luật dân sự; Điều 166, 169, 170, 203 Luật đất đai; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh N.

Buộc bà Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Quý Y chấm dứt hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được ký kết vào ngày 09/6/2021 đối với phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H cùng gia đình phải di dời tài sản đi nơi khác để trả lại phần đất tại thửa 231, tờ bản đồ số 7, diện tích 502,2m², loại đất ở đô thị, tọa lạc tại ấp T, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cho anh Trần Thanh N quản lý, sử dụng.

Buộc anh Trần Thanh N có nghĩa vụ hỗ trợ giá trị tài sản gồm cây trồng, vật kiến trúc (căn phòng trọ) trên đất tranh chấp cho bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H với số tiền là 45.815.000đồng (bốn mươi lăm triệu tám trăm mười lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chệch lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí định giá tài sản: Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp số tiền 1.700.000đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho anh Trần Thanh N đã nộp tạm ứng trước.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Thanh N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.000đồng (hai triệu hai trăm chín mươi một nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0008641, ngày 22/12/2023 và biên lai thu số N⁰0009285, ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Trần Thanh N còn phải nộp tiếp số tiền 1.691.000đồng (một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Trần Văn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Triệu Quốc Hiếu

